TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2017/DS-PT
Ngày: 22-12-2017
V/v "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và ông Nguyễn Tấn Đức.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Duyên– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà***: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2017/TLPT-DS ngày 31/10/2017, về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2017/QĐ-PT ngày 27/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lương Văn D, sinh năm 1964 và bà Lưu Thị K, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

3. Người làm chứng: Chị Lương Thị KH, sinh năm1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:**

Từ năm 2007 đến nay, tôi (Đ) và vợ chồng ông D bà K có xác lập hợp đồng vay tiền và cà phê nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 11/02/2007 ông D bà K chốt cà phê nhân xô là 4.050kg, hứa là ngày 20/11/2007 sẽ trả cho tôi nhưng đến ngày hẹn thì ông D bà K chỉ trả được 1.470kg, còn lại 2.580kg; sau đó, ông D bà K chốt thêm 60kg cà phê nhân. Như vậy, ông D bà K còn nợ tôi là 2.640kg và ông D bà K hứa đến ngày 15/11/2008 sẽ trả nhưng đến ngày hẹn thì ông D bà K chỉ trả cho tôi 1.460kg nhưng do tôi nhầm nên tôi ghi đã trả 1.640kg còn nợ lại 1.000kg cà phê. Ngày 25/12/2009 ông D bà K chốt 2.968 kg cà phê nhân để mua rẫy. Như vậy, ông D bà K còn nợ của tôi tổng cộng là 3.968kg và ông D bà K đã viết giấy mượn tiền và cà phê cùng ngày (25/12/2009) với nội dung là ông D bà K mượn 11.180.000 đồng và 3.968kg cà phê, hẹn đến ngày 12/12/2010 sẽ trả cho tôi.

- Ngoài ra, vào ngày 30/12/2009 bà K mượn của tôi 800kg cà phê nhân xô, khi vay hai bên có xác lập hợp đồng. Tôi là người trực tiếp viết hợp đồng, bà K ký và viết họ tên Lưu Thị K dưới mục người mượn. Bà K hẹn 30/12/2010 trả.

Cộng khoản nợ theo giấy viết nợ ngày 25/12/2009 với số lượng cà phê là 3.968 kg và giấy viết nợ ngày 30/12/2009 với số lượng cà phê là 800kg, tổng số lượng cà phê ông D bà K nợ là 4.768kg. Đến tháng 01 năm 2011 thì ông D bà K trả cho tôi 768 kg cà phê, sau đó đến ngày 21/01/2012 ông D bà K trả được 270 kg cà phê. Đến ngày 27/01/2014 chị KH (con ông D bà K) và bà K trả tiếp cho tôi 100 kg cà phê, cùng ngày này hai bên đối chiếu công nợ, xác định còn nợ 3.630 kg cà phê, chị KH và bà K cùng ký xác nhận. Tiếp đến 28/01/2016 ông D bà K trả 200kg cà phê. Vậy hiện tại ông D bà K còn nợ của tôi là 3.430 kg cà phê. Đối với số tiền 11.180.000 đồng thì bà K đã trả cho tôi nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Ngày 30/5/2017 ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K làm đơn yêu cầu phản tố buộc tôi phải trả 450 kg cà phê nhân xô cho ông D bà K, tôi không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông D bà K.

Tôi xác định lời khai của tôi có chỗ khác với lời khai tại cấp sơ thẩm, bởi vì tôi tìm được chứng cứ mới.

*** Tại đơn kiện phản tố và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Lưu Thị K trình bày:**

Năm 2006 vợ chồng tôi (ông D bà K) có mượn của bà Đ 2.200 kg cà phê nhân xô, khi mượn cà phê hai bên không lập hợp đồng mà vợ chồng tôi chỉ ký nhận nợ vào sổ bà Đ (sổ bà Đ giữ), bà Đ ghi vào sổ của tôi (K). Nội dung bà Đ ghi vào sổ của tôi (K) là: "Hai tấn hai chăm kilogam cà phê nhân". Mục đích vợ chồng tôi vay cà phê của bà Đ để làm nhà và trả nợ, hai bên thỏa thuận bằng miệng vào thời gian cuối năm vợ chồng tôi sẽ trả dần số cà phê trên cho bà Đ cho đến khi hết nợ. Sau đó bà Đ tính lãi của số cà phê 2.200 kg là 260 kg cà phê, tổng nợ gốc và lãi vợ chồng tôi nợ bà Đ là 2.460kg cà phê. Số lượng cà phê vợ chồng tôi nợ bà Đ vợ chồng tôi trả cho bà Đ cụ thể như sau:

+ Ngày 16/12/2007 (Âm lịch) vợ chồng tôi đã trả cho bà Đ được 700 kg cà phê nhân, khi trả bà Đ có ghi vào sổ của tôi (K).

+ Năm 2008 (không nhớ rõ ngày tháng) vợ chồng tôi trả cho bà Đ 770 kg cà phê nhân xô, khi trả hai bên không lập giấy tờ.

+ Năm 2008 chồng tôi (D) trả cho bà Đ 460 kg cà phê nhân xô, khi trả hai bên không lập giấy tờ.

Do những lần trả số lượng cà phê nêu trên cho bà Đ thì vợ chồng tôi không viết giấy tờ gì nên không nhớ số lượng cà phê đã trả cho Đ là bao nhiêu. Vì vậy ngày 24/12/2008 thì vợ chồng tôi tiếp tục trả cho bà Đ 1.460 kg cà phê và 50kg bắp, 200kg lúa. Hai bên thống nhất trừ 50 kg bắp, 200 kg lúa là tương đương với 200 kg cà phê (vì thời điểm đó cà phê rớt giá còn khoảng 3.800đ/kg, việc này chỉ nói miệng chứ chúng tôi không có giấy tờ để chứng minh). Bà Đ tính số lượng cà phê vợ chồng tôi còn nợ lại là 800 kg bà Đ yêu cầu tôi viết giấy mượn ngày 30/12/2009 và yêu cầu tôi ký. Sau đó vợ chồng tôi tiếp tục trả cho bà Đ nhiều lần như sau:

+ Năm 2012 (không nhớ rõ ngày tháng) vợ chồng tôi trả cho bà Đ 150 kg cà phê nhân xô, khi trả hai bên không lập giấy tờ.

+ Ngày 27/01/2014 tôi (K) trả cho bà Đ 100 kg đã được ghi vào giấy vay đề ngày 27/01/2014.

+ Ngày 21/01/2012 tôi trả cho bà Đ 270 kg cà phê nhân xô, khi trả bà Đ ghi vào giấy vay đề ngày 27/01/2014.

+ Ngày 28/01/2016 tôi (K) trả cho bà Đ 200kg, bà Đ đã ghi vào giấy vay đề ngày 27/01/2014.

Tổng cộng vợ chồng tôi đã trả được cho bà Đ là 4.310 kg cà phê nhân xô. Như vậy so với số cà phê vợ chồng tôi nợ bà Đ 2.460 kg thì vợ chồng tôi đã trả dư cho bà Đ 1.850kg nên vợ chồng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố buộc bà Đ

hoàn trả cho vợ chồng tôi 450 kg cà phê nhân xô. Số cà phê còn lại 1.400 kg cà phê mà vợ chồng tôi trả dư cho bà Đ có căn cứ thì vợ chồng tôi sẽ khởi kiện sau.

Đối với chữ viết trong sổ mà bà Đ đã giao cho tôi ghi vào ngày 16/12/2007 (âm lịch) tôi có trả cho bà Đ 700 kg cà phê nhân cho bà Đ. Tôi không xác định được chữ viết trong sổ là của ai, tôi cũng không yêu cầu giám định chữ viết trong sổ.

Tôi xác định lời khai của tôi có khác với lời khai tại cấp sơ thẩm, bởi vì tôi mới tìm được chứng cứ mới.

*** Bị đơn ông Lương Văn D trình bày:** Tôi thống nhất với nội dung trình bày của vợ tôi là bà K.

*** Người làm chứng bà Lương Thị KH trình bày:** Ngày 27/01/2014 tôi và mẹ tôi (bà K) đang đi chợ thì bà Đ gọi mẹ tôi vào và yêu cầu tôi viết giấy nợ với nội dung: Ngày 27/01/2014 còn nợ bà Đ 4.000 kg cà phê nhân, trừ số lượng cà phê 270kg đã trả vào ngày 21/01/2012 và 100kg trả vào ngày 27/01/2014, còn nợ lại 3.630 kg. Khi tôi ghi giấy nợ trên, hai bên không đối chiếu công nợ, bà Đ không ép buộc hay đe dọa gì với mẹ con tôi. Chữ ký chữ viết Lưu Thị K dưới mục người mượn tiền do mẹ tôi viết ra. Chữ ký chữ viết người làm chứng Lương Thị KH do tôi ký và viết ra. Nay bà Đ khởi kiện bố mẹ tôi đối với số cà phê trên, tôi đề nghị Tòa án làm rõ và xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-PT, ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; , Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Buộc ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 3.430kg (Ba ngàn bốn trăm ba mươi ki lô gam) cà phê nhân xô đã quy chuẩn.

- Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ hoàn trả cho ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K 450 kg cà phê nhân xô đã quy chuẩn.

- Về án phí: Buộc bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D phải chịu là 8.593.500 đồng. Được khấu trừ số tiền 483.500đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0042886 ngày 30/5/2017. Ông D, bà K còn phải nộp 8.110.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2017, bị đơn bà Lưu Thị K và ông Lương Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên toà, thấy: Tại giấy chốt nợ ngày 27/01/2014 (bút lục 03) thể hiện nội dung tính toán và chốt nợ giữa bà Đ với bà K, chị KH thì bà K, ông D còn nợ bà Đ là 3.630 kg cà phê nhân xô, tại giấy này bà K, chị KH cùng ký tên xác nhận. Theo lời khai của các đương sự thì từ năm 2006 bà K, ông D có vay mượn tiền, cà phê của bà Đ nhiều lần. Đến ngày 27/01/2014 thì hai bên tính toán và chốt nợ, lúc này có mặt chị KH ký tên làm chứng. Như vậy, đến ngày 27/01/2014 bà K, ông D còn nợ của bà Đ 3.630 kg cà phê nhân xô là có cơ sở. Do bà K, ông D không trả nợ nên bà Đ khởi kiện là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án và Đơn kháng cáo bà K ông D cho rằng, chỉ vay của bà Đ 2.200kg cà phê nhân xô, đã trả thành 07 lần với tổng số lượng là 2.650kg cà phê nhân xô, là vượt quá số lượng vay là 450kg, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và làm đơn phản tố yêu cầu bà Đ phải trả 450kg cà phê nhân xô.

Bà Đ chỉ thừa nhận sau khi chốt nợ vào ngày 27/01/2017, đến ngày 28/01/2016 bà K có trả 200kg cà phê nhân, nên đồng ý trừ số lượng này còn lại 3.430kg.

Ngoài ra, bà K cho rằng khi chốt nợ bà không mang sổ sách nên không biết số lượng cụ thể, nhưng bà K cũng không cung cấp sổ sách ghi chép về nợ nên không có căn cứ để xem xét. Mặt khác, giấy chốt nợ trên bà K và chị KH đều ký

tên xác nhận, chị KH cũng thừa nhận có chứng kiến và ký tên, chị KH khẳng định khi ký tên làm chứng không bị bà Đ ép buộc hay đe dọa gì.

Do đó, kháng cáo của bà K, ông D không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà K ông D cho rằng đã trả dư cho bà Đ 1.850kg cà phê nhân, nên không chấp nhận nợ bà Đ 3.430kg như bà Đ khởi kiện. Tại Biên bản hòa giải, biên bản đối chất ngày 07/12/2017, bà K trình bày đã trả nợ cho bà Đ nhiều lần, nhưng đều vào các năm 2007, 2008, 2009. Trong khi đó, Giấy chốt nợ ngày 27/01/2014 bà K ký tên xác nhận chốt nợ là 3.630kg cà phê, có chị KH làm chứng và thừa nhận. Mặt khác, những chứng cứ bà K cung cấp đều không có ký xác nhận của bà Đ, bà Đ không thừa nhận là chữ ký chữ viết của bà, bà K cũng không có yêu cầu giám định chữ ký chữ viết. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà K.

Từ những nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DSST ngày 25/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị K và ông Lương Văn D Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị đơn bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D cho rằng ngày 25/9/2009 vợ chồng ông, bà không vay của bà Đ 3.968 kg cà phê nhân xô, còn số lượng cà phê 800 kg ngày 30/12/2009 là số lượng cà phê mà ông bà vay của bà Đ 2.200kg vào năm 2006 còn nợ lại, bà Đ bắt ông bà viết giấy nhận nợ. Còn giấy nhận nợ lập ngày 27/1/2014 do chị KH (Con gái bà K ông D) ghi và bà K ký xác nhận công nợ của bà Đ 3.630 kg là ký theo yêu cầu của bà Đ, chứ không có sự xác lập vay mượn nói

trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn bà Lưu Thị K và ông Lương Văn D đều thừa nhận: Chữ ký, chữ viết: "K – Lưu Thị K" dưới mục người mượn tiền trong giấy vay ngày 25/12/2009, giấy vay ngày 30/12/2009 do bà K ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết: "D – Lương Văn D" dưới mục người mượn tiền trong giấy vay ngày 25/12/2009 do ông D ký và viết ra. Như vậy, việc các bên giao kết hợp đồng vay, mượn là có thật. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi xác lập hai hợp đồng nêu trên, ông D, bà K đã trả được cho bà Đ khoản tiền 11.180.000 đồng và trả được số lượng cà phê nhân xô là 1.138kg, đến ngày 27/01/2014 bà Lưu Thị K và con gái là Lương Thị KH đến nhà bà Đ trả cho bà Đ 100kg cà phê và đối chiếu công nợ. Sau khi hai bên thống nhất số nợ, chị Lương Thị KH viết giấy nhận nợ đề ngày 27/01/2014: Tổng số nợ còn lại là 3.630kg. Bà K là người trực tiếp ký xác nhận nợ và chị KH cùng ký giấy với tư cách người làm chứng. Đến ngày 28/6/2016 bà K tiếp tục trả cho bà Đ 200 kg cà phê nhân xô và còn nợ lại số cà phê 3.430kg, bà Đ đã đòi nhiều lần nhưng bà K, ông D không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cấp sơ thẩm xét xử buộc bà K, ông D có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Đ 3.430kg cà phê nhân xô là có căn cứ.

Việc bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D trình bày chỉ vay của bà Đ 2.200kg cà phê nhân xô vào năm 2006 và ông, bà đã trả đầy đủ cho bà Đ, ông bà không nợ bà Đ số lượng cà phê nhân 3.430kg như bà Đ khởi kiện nhưng ông, bà không đưa ra chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2]. Về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà K, ông D 450kg cà phê nhân xô do trả dư cho bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Từ năm 2007 đến ngày 30/12/2009 bà Lưu Thị K và ông Lương Văn D vay của bà Đ với tổng số lượng 7.878 kg cà phê nhân xô và 11.180.000 đồng. Bà K ông D đã trả cho bà Đ 4.448 kg cà phê nhân xô và 11.180.000 đồng, còn nợ lại 3.430 kg cà phê nhân xô theo giấy nhận nợ lập ngày 27/01/2014.

Do vậy, việc bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D cho rằng chỉ vay của bà Đ 2.200 kg cà phê nhân vào năm 2006, đã trả được 2.650 kg cà phê nhân xô, dư so với hợp đồng vay năm 2006 là 450 kg là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà K ông D cho rằng đã trả dư cho bà Đ 1.850kg cà phê nhân, nên không chấp nhận nợ bà Đ 3.430kg như bà Đ khởi kiện. Tại Biên bản hòa giải, biên bản đối chất ngày 07/12/2017, bà K trình bày đã trả nợ cho bà Đ nhiều lần, nhưng đều vào các năm 2007, 2008, 2009. Trong khi đó, Giấy chốt nợ ngày 27/01/2014 bà K ký tên xác nhận chốt nợ là 3.630kg cà phê, có chị KH làm chứng và thừa nhận. Mặt khác, những chứng cứ bà K cung cấp đều không có ký xác nhận của bà Đ, bà Đ không thừa nhận là chữ ký chữ viết của bà, bà K cũng không có yêu cầu giám định chữ ký chữ viết. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà K.

Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 1 Điều 474 ; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Áp dụng Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn D và bà Lưu Thị K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án án nhân dân huyện Krông Păc, tỉnh Đắk Lắk.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Buộc ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 3.430kg (Ba ngàn bốn trăm ba mươi ki lô gam) cà phê nhân xô đã quy chuẩn.

- Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ hoàn trả cho ông Lương Văn D,

bà Lưu Thị K 450 kg (bốn trăm năm mươi ki lô gam) cà phê nhân xô đã quy chuẩn.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị K, ông Lương Văn D phải chịu là 8.593.500đ (tám triệu năm trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng). Được khấu trừ số tiền 483.500đ (bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0042886 ngày 30/5/2017 của Chi cục thi hành án huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông D, bà K còn phải nộp 8.110.000đ (tám triệu một trăm mười ngàn đồng).

3.2 Về án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Lương Văn D, bà Lưu Thị K mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) mà ông D, bà K đã nộp theo biên lai thu số 0002356, ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- CCTHADS huyện K;
- Đương sự;
- ….;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng